TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 20 - 01 - 2022
Về việc: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Nhì

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa***: Ông Võ Văn Tánh – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 194/2020/TLST-DS ngày 15/12/2020, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng T.
Địa chỉ trụ sở: đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh L – sinh năm 1995 (theo giấy ủy quyền số 11/2022/GUQ-CNTB ngày 06/01/2022) (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông L– sinh năm 1984 (vắng mặt).
Địa chỉ: đường L, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020 của Ngân hàng T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cùng lời khai của anh L đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày như sau:

Ông L có ký kết với Ngân hàng hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm: giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/3/2018 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, để vay tiền của Ngân

hàng T sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Căn cứ thu nhập của ông L, ngày 22/3/2018 Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng visa hạng vàng số 472075 - 7651 với hạn mức sử dụng là 45.000.000 đồng. Theo bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, hai bên thỏa thuận tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng quyết định (theo thông báo về lãi suất số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 là 2,15%/tháng, quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 là 2,6%/tháng), thời hạn thanh toán là ngày 31 hàng tháng. Ngân hàng đã phát hành và gửi cho Ông L thẻ số 472075 - 7651.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 582.252.200 đồng và đã thanh toán tiền gốc, lãi, phí tổng cộng là 544.932.474 đồng. Quá trình trả nợ Ông L đã nhiều lần thanh toán trễ hạn, từ ngày 31/10/2019 thì ngưng thanh toán cho đến nay. Do Ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông L không có thiện chí trả nợ. Ngày 01/02/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Ông L và chuyển thành nợ quá hạn.

Nay, Ngân hàng T yêu cầu cá nhân Ông L thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 20/01/2022 là 101.931.902 đồng và tiền lãi theo lãi suất 3,9%/tháng tính từ ngày 21/01/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trả một lần toàn bộ ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Ông L không có ý kiến, không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là buộc Ông L phải thanh toán cho Ngân hàng T số tiền vay nợ gốc là 52.650.782đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 01/02/2020 đến ngày 20/01/2022 là 49.281.120 đồng, tổng cộng là 101.931.902 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 5.096.595 đồng, hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng là 1.812.503 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 24/11/2020 Ngân hàng T đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020 (có hình thức, nội dung đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự) trong

đó ghi người bị kiện là Ông L có địa chỉ là đường L, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 6 không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án, do Ông L không còn cư trú tại địa chỉ mà Ngân hàng cung cấp (theo kết quả xác minh ngày 06/4/2021 của Công an Phường C, Quận S và kết quả xác minh ngày 14/4/2021 của Công an Phường M quận PN). Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Ông L trả số tiền vay còn nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 15/3/2018, có ghi địa chỉ của Ông L là đường L, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà Phượng, nhưng Ông Lthay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự, là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngân hàng T yêu cầu trả số tiền vay còn nợ đối với ông L, có nơi cư trú cuối cùng tại đường L, Phường C, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho Ông L theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét Ông L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa và Ngân hàng T do anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ông Llà bị đơn, anh L đại diện Ngân hàng T là nguyên đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã niêm yết hợp lệ cho Ông L thông báo thụ lý số 908/TB-TLVA ngày 15/10/2020 về việc thụ lý vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo đơn khởi kiện của Ngân hàng T yêu cầu Ông L trả tiền vay còn nợ. Phía Ông L không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ Ông L đã "*không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu …*" mà bên Ngân hàng đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 15/3/2018 được duyệt hạn mức tín dụng ngày 22/3/2018 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 04/01/2018, cùng lời khai của đại diện Ngân hàng cho thấy giao dịch giữa Ngân hàng và Ông L là "Hợp đồng vay tài sản" có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: Ông L được Ngân

hàng cấp thẻ tín dụng quốc tế visa hạng vàng số 472075-7651 với hạn mức sử dụng là 45.000.000 đồng, tiền lãi phải trả theo lãi suất do Ngân hàng quyết định theo thông báo về lãi suất số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 là 2,15%/tháng, theo quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 là 2,6%/tháng, thời hạn thanh toán là ngày 31 hàng tháng.

Đại diện Ngân hàng trình bày: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 582.252.200 đồng và đã thanh toán tiền gốc, lãi, phí tổng cộng là 544.932.474 đồng. Quá trình trả nợ Ông L đã nhiều lần thanh toán trễ hạn, từ ngày 31/10/2019 thì ngưng thanh toán cho đến nay nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Ông L và chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 01/02/2020.

Như vậy, Ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Do đó, căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, Ông L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ vay gồm: nợ gốc là 52.650.782 đồng, nợ lãi tính đến ngày 20/01/2022 là 49.281.120 đồng, tổng cộng là 101.931.902đồng.

Về thời hạn thanh toán: Số tiền Ông L còn thiếu nêu trên đến nay đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận, nên căn cứ Điều 278 Bộ luật Dân sự thì phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 101.931.902 (một trăm lẽ một triệu chín trăm ba mươi mốt ngàn chín trăm lẽ hai) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Ông L còn phải trả cho Ngân hàng T tiền lãi theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 15/3/2018 được duyệt hạn mức tín dụng ngày 19/3/2018, bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là 2,6%/tháng x 150% = 3,9%/tháng, trên dư nợ gốc chưa trả, tính từ ngày 21/01/2022 đến khi trả hết nợ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Do Ông L phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 101.931.902 đồng x 5%= 5.096.595 đồng.

Do Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.812.503 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010864 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng T:

Buộc Ông L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền vay còn nợ 101.931.902 (một trăm lẽ một triệu chín trăm ba mươi mốt ngàn chín trăm lẽ hai) đồng (trong đó: nợ gốc là 52.650.782 đồng và nợ lãi tính đến ngày 20/01/2022 là 49.281.120 đồng) theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng đề ngày 15/3/2018 được duyệt hạn mức tín dụng ngày 22/3/2018 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 04/01/2018.

Ông L phải trả cho Ngân hàng T toàn bộ số tiền 101.931.902 (một trăm lẽ một triệu chín trăm ba mươi mốt ngàn chín trăm lẽ hai) đồng nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ông L còn phải trả cho Ngân hàng T tiền lãi theo lãi suất là 3,9%/tháng, trên dư nợ gốc chưa trả, tính từ ngày 21/01/2022 đến khi trả hết nợ vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.096.595 (năm triệu không trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm chín mươi lăm) đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng T số tạm ứng án phí đã nộp là 1.812.503 (một triệu tám trăm mười hai ngàn năm trăm lẽ ba) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010864 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T và Ông L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Kim Sa